

**ĐIỂM NÀY CÓ GÌ SAI SÓT THÌ LIÊN HỆ MAIL:nhatphong0207@yahoo.com
PHẢN ÁNH GHI RÕ CỤ THỂ HOẶC TRỰC TIẾP ĐẾN PHÒNG ĐÀO TẠO GIẢI
QUYẾT**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
PHÒNG ĐÀO TẠO**

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ T14XDD

TÊN HỌC PHẦN:

THỰC TẬP ĐỊA CHẤT CÔNG TRÌNH

HỌC KỲ

3

MÃ HỌC PHẦN :

GLY - 291

TÍN CHỈ

1

Ngày thi:

05/04/2010

LẦN THI

1

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					C	T	K	V	H	G	CN	N	E	SỐ	CHỮ		
					10	20							70	100			
1	142210155	NGUYỄN ĐỨC ANH	T14XDD1	10	8								7.5	7.9	Báý pháýp Chên		
2	142210161	KIỀU XUÂN CHIẾN	T14XDD1	10	8								7.5	7.9	Báý pháýp Chên		
3	142210163	PHAN HỮU CHUNG	T14XDD1	10	8								7.5	7.9	Báý pháýp Chên		
4	142210164	NGUYỄN VĂN CÔNG	T14XDD1	10	7								6.5	7.0	Báý		
5	142210167	LÊ VĂN ĐẠO	T14XDD1	10	8								8.5	8.6	Tăm pháýp Sầu		
6	142210176	NGUYỄN DŨNG	T14XDD1	6	6								7	6.7	Sầu pháýp Báý		
7	142210179	NGUYỄN TRẦN QUANG DUY	T14XDD1	10	8								7.5	7.9	Báý pháýp Chên		
8	142210182	HOÀNG THANH HẢI	T14XDD1	10	8								7	7.5	Báý pháýp Nàm		
9	142210185	NGUYỄN THẾ HANH	T14XDD1	10	8								7	7.5	Báý pháýp Nàm		
10	142210191	NGUYỄN THANH HÒA	T14XDD1	10	8								7	7.5	Báý pháýp Nàm		
11	142210194	NGUYỄN VĂN HOÀN	T14XDD1	10	7								6.5	7.0	Báý		
12	142210197	TRẦN THANH HÙNG	T14XDD1	10	7								6.5	7.0	Báý		
13	142210200	NGHIÊM THANH HUƠNG	T14XDD1	10	8								8	8.2	Tăm pháýp Hai		
14	142210203	PHAN ANH KHẢ	T14XDD1	10	8								8.5	8.6	Tăm pháýp Sầu		
15	142210209	PHẠM ĐĂNG KHOA	T14XDD1	10	8								7.5	7.9	Báý pháýp Chên		
16	142210212	LÊ VĂN KIÊN	T14XDD1	10	8								7.5	7.9	Báý pháýp Chên		
17	142210215	LƯU CÔNG LĨNH	T14XDD1	10	8								8.5	8.6	Tăm pháýp Sầu		
18	142210218	NGUYỄN VĂN LỰC	T14XDD1	10	7								6.5	7.0	Báý		
19	142210221	NGÔ ĐỨC LÝ	T14XDD1	10	8								7	7.5	Báý pháýp Nàm		
20	142210227	PHAN XUÂN NAM	T14XDD1	10	7								6.5	7.0	Báý		
21	142210230	TRINH HỒNG NGUYỄN	T14XDD1	10	8								7	7.5	Báý pháýp Nàm		
22	142210233	LƯU HỒNG PHONG	T14XDD1	10	7								6.5	7.0	Báý		
23	142210236	NGUYỄN THANH PHỤNG	T14XDD1	10	8								7	7.5	Báý pháýp Nàm		
24	142210239	HÀ VĂN TƯỜNG QUANG	T14XDD1	10	8								7	7.5	Báý pháýp Nàm		
25	142210245	PHAN TRẦN SỬ	T14XDD1	10	7								6.5	7.0	Báý		
26	142210248	TRẦN VŨ CÔNG TÂN	T14XDD1	10	7								6.5	7.0	Báý		
27	142210251	NGUYỄN QUỐC THÁI	T14XDD1	5	7								6	6.1	Sầu pháýp Mầu		
28	142210254	HỒ VĂN THÀNH	T14XDD1	10	7								6.5	7.0	Báý		
29	142210257	NGUYỄN QUỐC THỊNH	T14XDD1	10	8								7	7.5	Báý pháýp Nàm		
30	142210260	TRẦN ANH THU	T14XDD1	10	7								6	6.6	Sầu pháýp Sầu		
31	142210263	TRẦN VIỆT THƯƠNG	T14XDD1	10	8								7	7.5	Báý pháýp Nàm		
32	142210266	LÊ VĂN TỊNH	T14XDD1	10	8								7	7.5	Báý pháýp Nàm		
33	142210269	TRẦN VĂN TRUNG	T14XDD1	10	8								7	7.5	Báý pháýp Nàm		
34	142210272	ĐẶNG ANH TRƯỜNG	T14XDD1	10	6.5								5.5	6.2	Sầu pháýp Hai		
35	142210275	PHẠM THANH TÚ	T14XDD1	10	7								6.5	7.0	Báý		
36	142210278	LÊ VĂN TUẤN	T14XDD1	10	7								6.5	7.0	Báý		
37	142210281	PHAN ANH TUẤN	T14XDD1	10	8								7	7.5	Báý pháýp Nàm		
38	142210284	PHAN THÀNH TÚY	T14XDD1	5	6.5								6	6.0	Sầu		
39	142210287	HỒ TÂN VĨNH	T14XDD1	10	8								7	7.5	Báý pháýp Nàm		
40	142210290	VƯƠNG Ý	T14XDD1	10	8								8.5	8.6	Tăm pháýp Sầu		

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
PHÒNG ĐÀO TẠO

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ T14XDD

TÊN HỌC PHẦN:

THỰC TẬP ĐỊA CHẤT CÔNG TRÌNH

HỌC KỲ

3

MÃ HỌC PHẦN :

GLY - 291

TÍN CHỈ

1

Ngày thi:

05/04/2010

LẦN THI

1

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					C	T	K	V	H	G	CN	N	E	SỐ	CHỮ		
					10	20							70	100			
41	142220297	NGUYỄN HỮU	CHUNG	T14XDD1	10	8							7.5	7.9	Báý pháý Chên		
42	142210156	PHAN NGỌC	BẢO	T14XDD2	10	7							6	6.6	Sầu pháý Sầu		
43	142210159	NGUYỄN ĐỨC	BÌNH	T14XDD2	10	7							6.5	7.0	Báý		
44	142210162	NGUYỄN ĐÌNH	CHUNG	T14XDD2	10	8							8.5	8.6	Tăm pháý Sầu		
45	142210165	VÕ TÂN	CƯỜNG	T14XDD2	10	8							7	7.5	Báý pháý Năm		
46	142210168	TRƯƠNG VĂN	ĐẦU	T14XDD2	10	6.5							5.5	6.2	Sầu pháý Hai		
47	142210171	CAO VĂN	ĐIỀN	T14XDD2	10	8							7	7.5	Báý pháý Năm		
48	142210173	NGUYỄN VĂN	ĐOÀN	T14XDD2	10	8							7	7.5	Báý pháý Năm		
49	142210174	NGUYỄN TIẾN	DOANH	T14XDD2	10	8							7	7.5	Báý pháý Năm		
50	142210177	DƯƠNG TRƯƠNG QUỐC	DŨNG	T14XDD2	10	8							7.5	7.9	Báý pháý Chên		
51	142210180	MAI VĂN	GIÁP	T14XDD2	10	8							7.5	7.9	Báý pháý Chên		
52	142210183	PHẠM MINH	HẢI	T14XDD2	10	8							7.5	7.9	Báý pháý Chên		
53	142210186	VÕ ĐỨC	HẠNH	T14XDD2	10	7							6.5	7.0	Báý		
54	142210195	TRẦN MINH	HOÀNG	T14XDD2	10	8.5							8.5	8.7	Tăm pháý Báý		
55	142210198	NGÔ PHƯỚC	HÙNG	T14XDD2	10	7.5							6.5	7.1	Báý pháý Mầu		
56	142210201	NGUYỄN THANH	HỮU	T14XDD2	10	8							7	7.5	Báý pháý Năm		
57	142210204	NGUYỄN VĂN	KHÁNH	T14XDD2	10	7							6.5	7.0	Báý		
58	142210207	NGUYỄN ANH	KHOA	T14XDD2	10	8							8	8.2	Tăm pháý Hai		
59	142210210	PHẠM QUỐC	KHUÔNG	T14XDD2	10	8							7	7.5	Báý pháý Năm		
60	142210213	NGUYỄN VĂN	LÀO	T14XDD2	10	8							7	7.5	Báý pháý Năm		
61	142210216	NGUYỄN HOÀNG	LONG	T14XDD2	10	8							7	7.5	Báý pháý Năm		
62	142210219	LÝ ĐÌNH	LỰC	T14XDD2	10	8							7	7.5	Báý pháý Năm		
63	142210222	TRẦN THẾ	MÃNH	T14XDD2	10	7							6.5	7.0	Báý		
64	142210225	HỒ VĂN	MINH	T14XDD2	10	8							8	8.2	Tăm pháý Hai		
65	142210228	LÊ VIỆT	NGHĨA	T14XDD2	10	7							6.5	7.0	Báý		
66	142210231	NHAN NGỌC	NHIỆM	T14XDD2	10	7							6	6.6	Sầu pháý Sầu		
67	142210234	TRƯƠNG	PHONG	T14XDD2	10	8							8	8.2	Tăm pháý Hai		
68	142210240	VÕ NGỌC	QUANG	T14XDD2	10	8							7	7.5	Báý pháý Năm		
69	142210243	PHẠM XUÂN	SINH	T14XDD2	10	8							7	7.5	Báý pháý Năm		
70	142210246	BÙI MINH	TÁ	T14XDD2	10	8							7	7.5	Báý pháý Năm		
71	142210249	BÙI HUỖNH	TÂN	T14XDD2	10	8							7	7.5	Báý pháý Năm		
72	142210252	LÊ ANH	THẮNG	T14XDD2	10	8							8	8.2	Tăm pháý Hai		
73	142210255	NGUYỄN TRỌNG	THI	T14XDD2	10	8							7	7.5	Báý pháý Năm		
74	142210258	NGUYỄN VĂN	THOẠI	T14XDD2	10	8							7	7.5	Báý pháý Năm		
75	142210261	TRẦN PHƯỚC	THUẬN	T14XDD2	10	7							6.5	7.0	Báý		
76	142210264	VÕ HỮU	TÍN	T14XDD2	10	7							6.5	7.0	Báý		
77	142210267	PHAN THANH	TOÀN	T14XDD2	10	8							7	7.5	Báý pháý Năm		
78	142210270	TRẦN THẾ	TRUNG	T14XDD2	10	8							7.5	7.9	Báý pháý Chên		
79	142210273	TRẦN VĂN	TRUYỀN	T14XDD2	10	8							8	8.2	Tăm pháý Hai		
80	142210276	HỒ SỸ	TƯ	T14XDD2	10	8							8	8.2	Tăm pháý Hai		
81	142210279	NGUYỄN ANH	TUẤN	T14XDD2	10	8							7.5	7.9	Báý pháý Chên		
82	142210282	ĐẶNG VĂN	TUẤT	T14XDD2	10	8							7.5	7.9	Báý pháý Chên		
83	142210291	TRẦN THANH	ẤN	T14XDD2	5	6							5	5.2	Năm pháý Hai		

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
PHÒNG ĐÀO TẠO

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ T14XDD

TÊN HỌC PHẦN:

THỰC TẬP ĐỊA CHẤT CÔNG TRÌNH

HỌC KỲ

3

MÃ HỌC PHẦN :

GLY - 291

TÍN CHỈ

1

Ngày thi:

05/04/2010

LẦN THI

1

STT	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				C	T	K	V	H	G	CN	N	E	SỐ	CHỮ		
				10	20							70	100			
84	142210157	ĐỖ VĂN BÌNH	T14XDD3	10	7							6	6.6	Sầu phấp Sầu		
85	142210160	NGUYỄN KÔNG CHÁNH	T14XDD3	10	7							6	6.6	Sầu phấp Sầu		
86	142210166	NGUYỄN TẤN CUÔNG	T14XDD3	10	8							7.5	7.9	Báý phấp Chên		
87	142210169	NGUYỄN ĐẾN	T14XDD3	10	8							7	7.5	Báý phấp Nàm		
88	142210172	PHAN ĐÌNH DIỆP	T14XDD3	10	7							6.5	7.0	Báý		
89	142210175	NGUYỄN ĐỨC DU	T14XDD3	10	7							6.5	7.0	Báý		
90	142210178	NGUYỄN ĐÌNH DUY	T14XDD3	10	8							7	7.5	Báý phấp Nàm		
91	142210181	NGUYỄN VĂN HÀ	T14XDD3	10	7							6.5	7.0	Báý		
92	142210184	NGUYỄN THANH HẢI	T14XDD3	10	8							8	8.2	Tầm phấp Hai		
93	142210187	LÊ QUỐC HIẾN	T14XDD3	10	8							8	8.2	Tầm phấp Hai		
94	142210190	LÊ VĂN LƯƠNG HỒ	T14XDD3	10	7							6.5	7.0	Báý		
95	142210193	ĐÌNH XUÂN HÒAI	T14XDD3	10	8							7.5	7.9	Báý phấp Chên		
96	142210196	ĐÌNH VĂN HUỆ	T14XDD3	10	8							8	8.2	Tầm phấp Hai		
97	142210199	NGUYỄN HUY HÙNG	T14XDD3	10	7							6.5	7.0	Báý		
98	142210202	TRẦN VŨ NHẬT HUY	T14XDD3	10	7							6.5	7.0	Báý		
99	142210205	TRẦN NGỌC KHÁNH	T14XDD3	5	7							6.5	6.5	Sầu phấp Nàm		
100	142210214	NGUYỄN DUY LINH	T14XDD3	10	7							6.5	7.0	Báý		
101	142210217	TRƯƠNG NGỌC LONG	T14XDD3	10	8							7	7.5	Báý phấp Nàm		
102	142210220	LƯƠNG VĂN LÝ	T14XDD3	10	8							8	8.2	Tầm phấp Hai		
103	142210223	NGUYỄN TRẦN MINH	T14XDD3	10	7							6.5	7.0	Báý		
104	142210226	VÕ VĂN MỸ	T14XDD3	10	8							8	8.2	Tầm phấp Hai		
105	142210229	TRẦN ĐỨC NGUYỄN	T14XDD3	10	8							7	7.5	Báý phấp Nàm		
106	142210232	NGUYỄN THÀNH NHƯ	T14XDD3	10	8							7	7.5	Báý phấp Nàm		
107	142210235	LÊ VĂN PHÒNG	T14XDD3	10	8							8	8.2	Tầm phấp Hai		
108	142210238	TRẦN QUANG	T14XDD3	10	8							7	7.5	Báý phấp Nàm		
109	142210247	TRƯƠNG VĂN TÁM	T14XDD3	10	8							7	7.5	Báý phấp Nàm		
110	142210253	NGUYỄN NGỌC THẮNG	T14XDD3	10	6							5	5.7	Nàm phấp Báý		
111	142210256	PHAN QUỐC THỊNH	T14XDD3	10	7							6.5	7.0	Báý		
112	142210259	PHAN VĂN THU	T14XDD3	10	6.5							5	5.8	Nàm phấp Tầm		
113	142210265	BÙI ĐỨC TÍN	T14XDD3	10	8							8.5	8.6	Tầm phấp Sầu		
114	142210268	LÊ ĐỨC TRÍ	T14XDD3	10	7							6.5	7.0	Báý		
115	142210271	CAO VĂN TRƯỜNG	T14XDD3	10	7							6.5	7.0	Báý		
116	142210274	TRƯƠNG ANH TÚ	T14XDD3	10	8							7	7.5	Báý phấp Nàm		
117	142210277	NGUYỄN VĂN TUẤN	T14XDD3	10	8							8	8.2	Tầm phấp Hai		
118	142210280	VÕ ĐĂNG TUẤN	T14XDD3	10	7							6	6.6	Sầu phấp Sầu		
119	142210283	LÊ VĂN TƯỜNG	T14XDD3	10	8.5							9	9.0	Chên		
120	142210285	NGUYỄN THANH VANG	T14XDD3	10	8							7	7.5	Báý phấp Nàm		
121	142210286	NGUYỄN LƯƠNG VINH	T14XDD3	10	8							7	7.5	Báý phấp Nàm		
122	142210288	LÊ PHƯỚC VĨNH	T14XDD3	10	8							7	7.5	Báý phấp Nàm		
123	142210289	HUỲNH CHÂU VŨ	T14XDD3	5	6.5							6.5	6.4	Sầu phấp Bấu		
1	0307	TRƯƠNG CÔNG ĐẠT	T13XDD2	6	7							6	6.2	Sầu phấp Hai		

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
-----	-------------------	----	-------	---------

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
PHÒNG ĐÀO TẠO

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ T14XDD

TÊN HỌC PHẦN: THỰC TẬP ĐỊA CHẤT CÔNG TRÌNH HỌC KỲ 3
MÃ HỌC PHẦN: GLY - 291 TÍN CHỈ 1
LẦN THI 1

Ngày thi: 05/04/2010

STT	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				C	T	K	V	H	G	CN	N	E	SỐ	CHỮ		
				10	20							70	100			
	1	Số sinh viên đạt	124	100%												
	2	Số sinh viên nợ	0	0%												
	TỔNG CỘNG :		124	100%												

Đà Nẵng, ngày 17 tháng 4 năm 2010

LÁNH ĐẠO

KIỂM TRA
(kyivaiighi roihouăăn)

LÃNH ÂAÔ KHOA
(kyivaiighi roihouăăn)

PHÒNG ÂAÔ TAÔ
(kyivaiighi roihouăăn)

Nguyău Kim Ấăc

Trăăng Văn Tám

ThS. Huyănh Ngouă Hăb

Nguyău Ấn